TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-PT
Ngày: 18-01-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Nguyễn Văn Nhân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/01 và ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số số 271/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2023/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn PN, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

* **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã LT, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn PT, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1955 và bà Trần Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ thường trú: Khu phố BT, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ tạm trú: Khu phố 5, phường TĐ, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Vào khoảng tháng 04 năm 2022 bà Nguyễn Thị B có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PR – Bình Phước số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 5607-LAV20220061xx.

Đến đầu tháng 04 năm 2023 đến kì hạn bà Nguyễn Thị B phải trả nợ khoảng vay trên cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PR – Bình Phước do bà Nguyễn Thị B không có tiền để thanh toán khoản nợ trên nên bà Nguyễn Thị B đã liên hệ với bà và muốn vay tôi số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tôi đã đồng ý và các bên thoản thuận thời hạn vay khoảng 01 tuần và bà Nguyễn Thị B có cam kết sau khi tôi cho bà B mượn tiền để trả nợ ngân hàng thì bà B sẽ ngay lập tức vay lại Ngân hàng để thực hiện trả tiền cho bà.

Đến ngày 03/04/2023 bà và bà Nguyễn Thị B cùng có mặt tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PR – Bình Phước (địa chỉ: Thôn PC, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước) để thực hiện việc cho vay. Tại đây, bà đã đưa vào Ngân hàng số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền mặt và bà đã thực hiện viết 01 giấy rút tiền với sô tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) từ số tài khoản cá nhân của tôi là 56072050587xx (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam viết tắt là Agribank). Tổng số tiền bà đã cho bà Nguyễn Thị B mượn là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ngay sau đó bà B đã thực hiện trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PR – Bình Phước cả tiền gốc và lãi là 200.920.548đ (hai trăm triệu chín trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), căn cứ theo số hóa đơn 04030031000125 ngày 03/04/2023.

Hiện nay đã quá thời hạn vay 01 tuần kể từ ngày 03/04/2023 bà có liên lạc với bà Bích để yêu cầu bà trả nợ số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà bà B đã vay bà để trả nợ Ngân hàng nhưng bà B lại viện lý do là không vay được Ngân hàng và luôn lãng tránh việc trả nợ cho bà. Nay nhận thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Chính vì vậy nay bà làm đơn khởi kiện này gửi đến Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước yêu cầu giải quyết vấn đề sau:

- Đề nghị Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B không đồng ý với lời trình bày của bà L, Bà B trình bày là do quen biết nên bà có cho ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố BT, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước mượn cuốn sổ để vay vốn làm ăn nhưng bà là người đứng ra vay và thế chấp sổ cho Ngân hàng nông nghiệp PR với số tiền là 200.000.000 đồng, đồng thời bà yêu cầu ông Đ, bà H làm "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" sau đó để con ông Đ và bà H là ông Phạm Thành D, sinh năm 1989 đứng ra làm hợp đồng vay tài sản có công chứng với bà vào ngày 08/12/2022. Tiền lãi hàng tháng và hàng quý là do ông Đ và bà H đóng, khi đến hạn trả gốc cho Ngân hàng thì ông Đ và bà H nhờ bà L đáo hạn chứ bà không biết bà L là ai, bà cũng không vay tiền của bà L. Khi giải chấp bà không đưa sổ cho bà L mà bà L tự lấy sổ và đưa cho ông Th để vay lại, tối về bà hỏi ông Đ là người vay tiền của bà là sổ của bà đâu thì ông Đ nói đang làm thủ tục vay lại thì bà không đồng ý vay lại nữa nên lên gặp ông Th để lấy sổ về. Nay trước yêu cầu khởi kiện của L bà không đồng ý và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Tôi không có quan hệ gì với bà L và bà B mà vào khoảng tháng 3 hoặc tháng 4/2023 bà B có vay của Ngân hàng Nông nghiệp PR số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và đã đến thời hạn trả, tôi là cán bộ tín dụng phụ trách hồ sơ trên nên tôi có gọi điện cho bà B nhắc nhở việc trả tiền cho ngân hàng thì bà B nói cho bà B khoảng mấy ngày. Sau khoảng 02 ngày có một người đàn ông gọi điện cho tôi, tôi không biết họ tên, địa chỉ nói là người nhà của bà B và nhờ người đáo hạn giùm. Sau đó tôi có cho người đó số điện thoại của bà L là người cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng, sau đó ai là người trực tiếp vay tiền của bà L thì tôi không biết. Trong hồ sơ vay thì bà B là người vay vốn của Ngân hàng. Số tiền trả và ai là người trả tôi không biết, sau đó bà B có đưa sổ cho bà L vào để xin vay lại và ngân hàng nhận sổ và hẹn ngày thẩm định, nhưng qua ngày sau đó bà B ra lấy sổ lại và không có nhu cầu vay nữa. Ngoài ra tôi không biết gì thêm. Vì tôi công tác nên không thể tham gia các buổi làm việc trên toà nên tôi xin được xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến của mình như bản tự khai.

Tại phiên toà phúc thẩm người làm chứng ông Phạm Xuân Đ và bà Trần Thị H trình bày:

Ông Đ và bà H có quen biết với bà Nguyễn Thị B nên có vay tiền của bà B, do bà B không có tiền nên bà B lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của

bà mang đi thế chấp tại Ngân hàng Agribank chi nhánh PR vay số tiền 200.000.000 đồng để cho ông bà vay. Việc vay tiền giữa vợ chồng ông bà và bà B hai bên có ghi giấy tay với nhau tại "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" và sau đó tự thoả thuận lại bằng văn bản tại "Hợp đồng vay tài sản" do con trai ông Đ và bà H đứng tên có công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước. Hàng tháng ông bà là người trực tiếp trả tiền lãi cho Ngân hàng đối với số tiền bà B đứng tên vay. Khi hợp đồng đến hạn thì ông bà có liên hệ cán bộ tín dụng của Ngân hàng để tìm nguồn vay đáo hạn, sau đó ông bà được anh Th giới thiệu cô L là người chuyên cho vay tiền đáo hạn. Ông bà liên hệ và được cô L đồng ý, sau đó ông bà cùng với bà B gặp cô L tại Ngân hàng, cô L là người bỏ tiền ra để thanh toán khoản vay của bà B để bà B lấy sổ ra, nhưng do bà B đổi ý không vay tiếp nên ông bà không có tiền trả lại cho bà L, nay ông bà đồng ý có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) mà bà L đã bỏ ra đáo hạn khoản vay cho bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho ông Đ và bà H.

- Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện PR do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (nội dung cụ thể có bản tường trình ghi ngày 10/01/2024 kèm theo).

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B làm trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên để điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Bích kháng cáo cho rằng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm không xác minh thu thập đầy đủ toàn diện, không đưa ông Đ, bà H vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ trách nhiệm liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không tiến hành làm việc với ông Đ, bà H nhưng tại phiên toà phúc thẩm ông Đ, bà H có mặt và HĐXX xác định ông Đ, bà H tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án, tại phần hỏi Hội đồng xét xử cũng đã cho các đương sự đối chất làm rõ những tình tiết liên quan trong vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do vậy, mặc dù cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng đã được cấp phúc thẩm khắc phục nên chỉ cần nhắc nhở để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm, không cần thiết phải huỷ vụ án liên quan đến vi phạm này.

* Về nội dung tranh chấp:

[1] Xét mối quan hệ giữa bà Bích và ông Đ, bà H: Bà B cho rằng bà không vay tiền của bà L mà xác định ông Đ, bà H là người vay tiền của bà L. Bà L cho rằng bà không có quan hệ vay mượn với ông Đ, bà H, thông qua ông Đ, bà H bà biết được khoản vay của bà B đến hạn thanh toán nên bà thống nhất với bà Bích về việc tất toán cho khoản vay của bà B tại Ngân hàng. HĐXX xét thấy, căn cứ vào diễn biến tại phiên toà phúc thẩm xác định mối quan hệ giữa bà B và ông Đ, bà H là quan hệ độc lập, điều này được các đương sự thừa nhận việc bà B cho ông Đ bà H vay tiền, việc vay tiền được thể hiện tại "Hợp đồng

cho cá nhân vay tiền" (bút lục 16) và sau đó các bên tự thoả thuận lại bằng "Hợp đồng vay tài sản" có công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Phước (bút lục 13-14-15). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các đương sự trong mối quan hệ này không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2] Xét quan hệ giữa bà L và bà B: Bà L cho rằng thông qua ông Đ, bà H vào ngày 03/4/2023 bà và bà B gặp nhau tại Ngân hàng, sau khi trao đổi với bà B bà L đã thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện PR đối với hợp đồng tín dụng số 5607-LAV 2022006xx của bà Bích với số tiền vay 200.000.000 đồng. Bà Bích thừa nhận bà có vay số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện PR giúp cho ông Đ và bà H, khi vay bà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà, hàng tháng ông Đ và bà H là người trả lãi cho Ngân hàng. Đến hạn bà không phải là người thanh toán tiền cho ngân hàng và bà cũng không biết ai là người thanh toán khoản vay đứng tên bà nhưng bà thừa nhận vào ngày 03/4/2023 bà thấy bà L cùng có mặt tại quầy giao dịch của Ngân hàng cùng với ông Đ, bà H và ngay sau thời điểm bà L giao dịch thanh toán tại quầy kế toán bà được nhân viên ngân hàng trả lại tài sản thế chấp, bà là người trực tiếp ký tên nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho khoản vay, chứng tỏ bà B biết được khoản vay của bà đã được thanh toán nên bà được nhận lại tài sản đã thế chấp. Bà B cho rằng không biết bà L là ai và không biết ai là người thanh toán khoản vay cho bà là không có cơ sở.

Tại phiên toà ông Đ, bà H cũng thừa nhận ông Đ, bà H là người vay tiền của bà Bích từ nguồn tiền bà B vay tại ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện PR. Ông Đ, bà H không phải là người thanh toán tiền cho Ngân hàng đối với khoản vay của bà B khi đến hạn, ông bà khẳng định chính bà L là người trực tiếp trả khoản tiền vay của bà B tại Ngân hàng vào ngày 03/4/2023. Lời trình bày của ông Đ, bà H phù hợp với các tài liệu chứng cứ, chứng từ giao dịch ngày 03/4/2023, cụ thể: tại bảng kê các loại tiền thu đối với khoản vay của bà B ở mục khách hàng và người nộp tiền tại Ngân hàng Agribank PR đều thể hiện chữ ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị B. Phù hợp với nội dung, ngày tháng các chứng từ, số tiền mà bà L đã giao dịch và căn cứ vào trích xuất camera ngày 03/4/2023 được Ngân hàng xác nhận.

Đồng thời, nội dung trên cũng phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn Th cán bộ tín dụng phụ trách hồ sơ vay vốn và xác nhận của bà Võ Thị Phương L1 – Trưởng phòng kế toán vào ngày 08/9/2023.

Do vậy, có căn cứ xác định chính bà L là người trả số tiền gốc và lãi suất cho hợp đồng tín dụng số 5607-LAV 2022006xx của bà Bích. Trong đó rút tiền từ tài khoản 56072050587xx với số tiền 150.000.000 đồng bù trừ số nợ

cho khách hàng Nguyễn Thị B còn lại là tiền mặt. Tổng số tiền bà L thanh toán là 200.921.000 đồng.

Như vậy, tuy giữa bà L và bà B không có hợp đồng vay tiền với nhau nhưng bà B là người được lợi về tài sản, bà L là người đã thanh toán khoản vay đã đến hạn cho bà B tại Ngân hàng. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những nội dung trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị huỷ bản án sơ thẩm. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bích phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện PR.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà L không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện PR, tỉnh Bình Phước trả lại bà Nguyễn Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0016117 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PR.

Bị đơn bà B phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0016481 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện PR;
- TAND, VKS huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga